TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2017
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Ông Phùng Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX/HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; HKTT: Thôn C, xã N, huyện P, thành phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1969; HKTT: Thôn C, xã N, huyện P, thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 03/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã N, huyện P. Ngay từ sau khi kết hôn giữa vợ chồng đã có những mâu thuẫn do anh T mắc nhiều nợ nần chị phải trả nợ thay. Trong quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, cách sống, bản thân chị lo chăm sóc gia đình kiếm tiền nuôi con nhưng anh T không có trách nhiệm gì với gia đình, không nuôi dậy con cái. Những năm gần đây thì anh T còn nghiện rượu suốt ngày uống say, dẫn đến có những hành vi không kiểm soát, có những hôm vợ con đang ngủ 5h30p sáng sớm anh T lại khóa cửa không cho vợ con ra nên chị phải phá cửa, có hôm anh T còn giăng dây điện định để cháu H về thì cắm điện, có hôm say anh T còn cầm dao đuổi đánh mẹ con chị. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 8/2017. Khi chị ở nhà mẹ đẻ anh T có đến nhà mẹ đẻ chị dọa nạt sẽ gọi xã hội đen đến để xử lý chị làm em trai chị phải đuổi anh T về.

Với những hành vi hành động của anh T, thái độ sống không có trách nhiệm với gia đình, suốt ngày phải đi trả nợ rượu cho anh T, con cái ốm đau anh không có trách nhiệm trông nom chăm sóc. Những năm gần đây anh chỉ uống rượu không làm ăn gì cả một mình chị phải lo lắng kinh tế, con cái rất mệt mỏi. Chị đã tâm sự nhiều lần với gia đình nhà chồng để có biện pháp làm cho anh T thay đổi nhưng không có kết quả. Anh T đã nhiều lần hứa, xin lỗi nhưng sau đó vẫn chứng nào tật nấy, không thể thay đổi được.

Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án cho ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 01/6/2007. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con vì những năm gần đây anh T không đi làm nên cũng không có để cấp dưỡng, còn cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên chị không đề nghị Tòa xét

Tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày như sau:

Anh xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị P khai là đúng. Anh không chấp nhận ly hôn vì vợ chồng đã sống với nhau lâu. Anh có uống rượu nhưng không đến mức như chị P nói. Kể từ khi chị P về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh cũng không gặp gỡ vợ anh để hòa giải. Lúc anh cầm dao đuổi đánh vợ chỉ là dọa thôi chứ không phải là cố ý muốn. Khi anh sang nhà mẹ vợ anh nói chuyện với gia đình vợ thì tức giận anh có nói sẽ thuê xã hội đen đến để xử lý vợ anh chỉ là do nóng giận anh nói thế. Khi anh nói thế anh không hề biết như thế sẽ làm tổn thương vợ. Trước đây anh làm mộc, tuy nhiên mấy năm gần đây anh không làm gì, chỉ đi câu chơi.

Bản thân anh cảm thấy những năm gần đây thấy chị P có lạnh nhạt trong quan hệ vợ chồng tuy nhiên anh cũng không tìm hiểu để hóa giải bởi nhiều năm gần đây vợ chồng không nói chuyện được với nhau nên anh chán anh mới sinh ra uống rượu. Vợ chồng không nói chuyện được với nhau, cứ nói chuyện với nhau là cãi nhau. Anh xác định việc chị P xin ly hôn cũng có lý do nhưng anh hứa sẽ thay đổi để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị P kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung***:*** Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 01/6/2007. Ly hôn anh đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, còn cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh không đề nghị Tòa xét.

Tài sản chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để

thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ph. Cho chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 01/6/2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con cho anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh chị không đề nghị Tòa án xét nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện Ph, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh HT (Nay là Thành phố H) ngày 03/12/1997 (Giấy chứng nhận kết hôn số 37), quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị đã có biểu hiện rạn nứt, anh chị đã cố gắng để hàn gắn nhưng không có kết quả mà thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn. Sự trình bày của hai bên khác nhau về thời điểm phát sinh, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn. Song rõ ràng qua lời trình bày và quan điểm của anh chị cho thấy hai bên không tìm được tiếng nói chung và luôn lý giải khác biệt nhau về cùng một vấn đề. Điều đó chứng tỏ anh chị có sự bất đồng lớn về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017, không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Chỉ có thể lý giải những hiện tượng này trên cơ sở những đổ vỡ từ thực tế cuộc hôn nhân và tình cảm của anh chị chứ không thể đổ lỗi cho một bên được, mặc dù anh Toàn cũng thừa nhận để đến mức chị Phượng xin ly hôn cũng do lỗi của anh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hoà giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 01/6/2007. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cháu H đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh chị không đề nghị Tòa án xét nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ: Chị P, anh T xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì

chị P chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phượng đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị P anh T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 01/6/2007. Ghi nhận thỏa thuận của chị P và anh T: Giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu H đã trưởng thành, phát triển bình thường, chị P, anh T không đề nghị Tòa án xét nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Chị P, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AE/2010/0004851 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố H. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện P;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trí Tuyển